

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1108/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **15** tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và
dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và
vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2021;

Theo đề nghị của UBND huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 15/10/2021 và Công văn số 2701/UBND ngày 13/10/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 766/BCTĐ-SXD ngày 08/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa.

2. Nhiệm vụ khảo sát

a) Mục đích khảo sát: Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa.

b) Phạm vi khảo sát xây dựng: Diện tích đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng 900ha; diện tích đo vẽ mới là 637ha, đo vẽ chỉnh lý là 144ha và tận dụng bản đồ địa hình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 là 119ha.

- Về lưới khống chế mặt bằng, độ cao: Tận dụng 03 mốc đường chuyên hạng IV của Quy hoạch cốt nền, thoát nước mưa tỉnh Quảng Ngãi do Sở Xây dựng bàn giao cho thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận huyện Tư Nghĩa (theo bảng thống kê dưới) và 03 mốc hạng IV của hồ sơ Khảo sát lập đồ án Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ (phê duyệt năm 2015) và các mốc trắc địa đã đo đạc địa hình của huyện nằm trong ranh giới của đồ án quy hoạch này.

Tên mốc	X	Y	Z
SV-SC1	1664286.336	591531.265	4.477
SV-SC2	1664479.262	591056.711	5.373
SV-SC3	1664920.840	591418.639	4.288

- Về diện tích đo vẽ: Đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, khoảng 144ha; đơn giá đo chỉnh lý tạm tính bằng 65% đơn giá khảo sát. Khi triển khai lập phương án khảo sát, nhà thầu khảo sát có trách nhiệm kiểm tra, thống kê các bản đồ đo đạc hiện trạng đã có trong khu vực quy hoạch để thiết kế lại lưới đường chuyên, tính toán lại diện tích đo vẽ để điều chỉnh lại dự toán nếu có.

2. Khối lượng khảo sát:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
I	Lưới khống chế mặt bằng	điểm	33
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 1, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	5
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 1, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	8
3	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 2, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp II	điểm	7
4	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp 2, bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	15
II	Thủy chuẩn		24
1	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình IV	km	9
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	15
III	Đo vẽ bản đồ địa hình	100ha	7,81
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản	100ha	2,37

	đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II		
2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III	100ha	4,00
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II (đo chỉnh lý- Đơn giá tạm tính bằng 65%)	100ha	0,515
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III (đo chỉnh lý - Đơn giá tạm tính bằng 65%)	100ha	0,925

3. Nhiệm vụ quy hoạch

a) Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Khu vực nghiên cứu lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa có quy mô diện tích khoảng 900ha, bao gồm: Toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Sông Vệ là 264,42ha, một phần xã Nghĩa Phương là 385ha, một phần xã Nghĩa Hiệp là 245,58ha, một phần xã Nghĩa Mỹ là 5ha; giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp xã Nghĩa Hiệp;

+ Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp các xã: Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ;

+ Phía Nam: Giáp xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức;

+ Phía Bắc: Giáp xã Nghĩa Trung và xã Nghĩa Thương.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.

- Thời hạn lập quy hoạch:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030;

+ Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2035.

b) Tính chất

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội khu vực phía Nam huyện Tư Nghĩa, được quy hoạch xây dựng theo tiêu chuẩn đô thị loại IV;

- Là đầu mối giao thông quan trọng giữa trong huyện, kết nối các khu vực trong huyện và với các khu vực khác;

- Là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho khu vực phía Nam của huyện Tư Nghĩa.

c) Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch

c1) Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Tư Nghĩa và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực, lập quản lý các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý quá trình cấp phép, xây dựng và phát triển đô thị;

- Tạo động lực thu hút đầu tư, khai thác các lợi thế của khu vực để phát triển kinh tế xã hội bền vững;

- Là tiền đề cho việc định hướng mở rộng, kết nối các đô thị La Hà và Sông Vệ trở thành đô thị loại IV.

c2) Nhiệm vụ quy hoạch

- Rà soát, đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nhu cầu thực tế tại địa phương;

- Rà soát, đánh giá những tồn tại, bất cập của đồ án Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ được phê duyệt năm 2015;

- Cập nhật, kết nối và đánh giá các đồ án quy hoạch, dự án liên quan đã phê duyệt, đang và sắp triển khai có liên quan đến khu vực lập quy hoạch; nghiên cứu luận chứng, làm rõ cơ sở đề xuất phạm vi ranh giới điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ; tính khả thi trong việc quy hoạch mở rộng, kết nối giữa hai đô thị La Hà - Sông Vệ trên địa bàn huyện Tư Nghĩa; định hướng động lực phát triển các đô thị trên cơ sở các hành lang kinh tế quan trọng trên địa bàn;

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của đô thị; tổ chức không gian đô thị, quy hoạch công trình hạ tầng xã hội, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược; kế hoạch ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	QUY MÔ DÂN SỐ		
	- Giai đoạn đến năm 2030	người	16.000
	- Giai đoạn đến năm 2035	người	20.000
B	SỬ DỤNG ĐẤT		
I	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	≤100

	- Đất đơn vị ở	m ² /người	≥15
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥4
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥5
	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8,0
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị		
1	Giáo dục		
-	Trường Trung học phổ thông	hs/1000 dân	40
		m ² /học sinh	10
2	Y tế	giường/1000 người	4
		m ² /giường	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8
		ha/công trình	3
4	Chợ	ha/công trình	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN 01: 2021/BXD	
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu vực)	%	≥13
2	Chỉ tiêu cấp nước		
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥100 (≥120 dài hạn)
-	Công nghiệp (theo loại hình công nghiệp)	m ³ /ha.ng.đ	≥20
3	Chỉ tiêu cấp điện		
-	Sinh hoạt	kwh/ng.năm	≥400 (≥1000 dài hạn)
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
-	Công nghiệp, kho tàng	kw/ha	50-250
4	Lượng nước thải		
-	Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80
-	Công nghiệp	% cấp nước	100
5	Lượng rác thải	Kg/người.ngày	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥90%)
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥0,04

đ) Các nội dung chủ yếu cần nghiên cứu

đ1) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị; hệ thống thủy lợi, ngập úng, lũ lụt và những yếu tố đặc thù của khu vực.

đ2) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan.

đ3) Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo từng giai đoạn phát triển 2021- 2030 và 2030-2035; tuân thủ theo các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

đ4) Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất các giải pháp quy hoạch ứng phó với kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại khu vực lập quy hoạch.

đ5) Định hướng quy hoạch sử dụng đất, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu chức năng theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn.

đ6) Định hướng phát triển không gian đô thị, bao gồm:

- Hướng phát triển đô thị;

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: Khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;

- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng;

- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị;

- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

đ7) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, có tính đến kịch bản biến đổi khí hậu, bao gồm:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; phân lưu vực, vị trí và quy mô các công trình tiêu thoát nước chính, hướng thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước và xử lý nước thải; vị trí, quy mô các công trình xử lý CTR, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

đ8) Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng: Về môi trường tự nhiên đô thị, điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu;

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

đ9) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

e) Danh mục, số lượng hồ sơ và sản phẩm

Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD; bao gồm:

e1) Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

- Sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

e2) Thuyết minh:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy

hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

Thuyết minh đồ án phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

e3) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị: Nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

e4) Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

g) Tổ chức thực hiện

- Đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc và Phát triển đô thị Royawa.

- Đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch: Đấu thầu theo quy định.

- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Tư Nghĩa.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

h) Tiến độ thực hiện: Tối đa 09 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn.

i) Dự toán thực hiện: 3.108.752.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm lẻ tám triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng*), trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch:	2.049.527.000 đồng
- Chi phí khảo sát (cả dự phòng):	493.815.000 đồng
- Chi phí cắm mốc giới quy hoạch:	220.176.000 đồng
- Chi phí khác:	345.234.000 đồng

k) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Tư Nghĩa chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn lập đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận theo đúng nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định này và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 767).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh